

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG TÂM TÍN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG TÂM TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM TIN MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAM TIN MEDIA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108034406

**3. Ngày thành lập:** 25/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 52, ngõ 32, đường Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906238244

Fax:

Email: [siengp7@gmail.com](mailto:siengp7@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng may mặc<br>- Bán buôn giày dép                                                                                                                                                                                             | 4641     |
| 2.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                            | 4791     |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933     |
| 4.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312     |
| 5.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310     |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410     |
| 7.  | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7722     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 10. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7721 |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6202 |
| 12. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác;<br>- Hoạt động của đạo diễn, nhà sản xuất, người dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu;                                                                                                                                                                                                                                              | 9000 |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn các sản phẩm từ sắt, thép, Inox;<br>- Bán buôn kim loại màu<br>- (không bao gồm kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662 |
| 14. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6201 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6209 |
| 16. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8219 |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vui chơi và giải trí (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che                                                                                                                                                                                                                                         | 9329 |
| 19. | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại hình nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1820 |
| 20. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2620 |
| 21. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2630 |
| 22. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3312 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết :<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 25. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5820 |
| 26. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết:<br>Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5911 |
| 27. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động biên tập, truyền băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động.                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5912 |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020 |
| 29. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7420 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,<br>- Thiết bị sản xuất điện ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730(Chính) |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314        |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ kiện may mặc<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;                                                                                                                                                | 4649        |
| 34. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn sợi dệt...;<br>- Bán buôn bột giấy; | 4669        |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741        |
| 36. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4762        |
| 37. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết:<br>Hoạt động ghi âm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5920        |
| 38. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |
| 39. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                          | 7490 |
| 41. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết:<br>- Đồ dệt, trang phục và giày dép;<br>- Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;<br>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; | 7729 |
| 42. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 43. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 44. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                          | 2640 |
| 45. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                | 2592 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                      | 3313 |
| 47. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 48. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 50. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý<br>( không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                            | 4610 |
| 51. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                  | 2610 |
| 52. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                              | 1410 |
| 53. | In ấn                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 54. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                    | 1812 |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000 VNĐ

*Hai trăm triệu đồng*

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/04/1987 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027187000186

Ngày cấp: 02/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12, ngách 32/65, Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12, ngách 32/65, Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027187000186

Ngày cấp: 02/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12, ngách 32/65, Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12, ngách 32/65, Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội